

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 10 - 9 - 2021

Vv tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Nguyệt Minh** - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1984(vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện TT, tỉnh PT.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Thanh H**, sinh năm 1992(vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện TT, tỉnh PT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo Nguyên đơn là anh Bùi Văn T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Phạm Thị Thanh H tự nguyện kết hôn vào ngày 26/3/2010, có đăng ký tại UBND xã S, huyện TT, tỉnh PT. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình, tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận hạnh phúc, đến ngày 10/3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng không hợp nhau trong công việc và trong cuộc sống, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Kể từ tháng 3/2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Minh A, sinh ngày 20/02/2011 và cháu Bùi Phúc L, sinh ngày 24/4/2019. Hiện nay các cháu đang ở với anh và mẹ anh. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu A và đề nghị giao cho chị H nuôi cháu L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản cho vay, nợ chung, công sức đóng góp: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn là chị Phạm Thị Thanh H trình bày:***

- Chị H xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như anh T trình bày trên là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống và trong công việc, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, chị vay tiền làm kinh tế nhưng bị thua lỗ nên trong cuộc sống càng thêm mâu thuẫn. Kể từ tháng 3/2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm. Tại bản tự khai và phiên hòa giải lần 1 chị xác định tình cảm đã hết, tuy nhiên do các con còn nhỏ nên chị không đồng ý ly hôn anh T vì sợ ảnh hưởng đến các cháu. Tại phiên hòa giải lần 2 chị xác định bản thân vẫn còn yêu thương anh T, mặt khác do các con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn và đề nghị được đoàn tụ để cùng nuôi con. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án chị đồng ý ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung như anh T đã trình bày trên là đúng. Kể từ ngày 01/6/2021 thì cháu L về ở cùng chị, còn cháu A đang ở cùng anh T. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu L và giao cho anh T nuôi cháu A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa (Có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):***

- Về thủ tục tố tụng: *Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.*

- Về nội dung vụ án: *Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T:*

1. *Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn T ly hôn chị Phạm Thị Thanh H.*

2. *Về con chung: Xử giao cho anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Minh A, sinh ngày 20/02/2011; Giao cho chị Phạm Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Phúc L, sinh ngày 24/4/2019; kể từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu A và cháu L thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.*

3. *Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết do các bên không yêu cầu.*

4. *Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết tòa án đã tiến hành mở phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và các phiên hòa giải, hai bên đều đã thể hiện quan điểm của mình. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử; anh T và chị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, tuy nhiên anh T và chị H đều thông tin cho Tòa án biết là hiện đang đi làm tại thành phố Hà Nội và ở vùng giãn cách xã hội do dịch Covid-19 nên không trực tiếp đến tham gia phiên tòa được. Anh T, chị H đã gọi điện, có đơn xin xét xử vắng mặt gửi qua ứng dụng Zalo. HĐXX thấy rằng đơn xin xét xử vắng mặt của anh T, chị H được gửi qua tài khoản Zalo được đăng ký bằng số điện thoại của anh T, chị H đã cung cấp kể từ khi thụ lý vụ án, ngoài ra qua đối chiếu chữ ký và hình ảnh giấy chứng minh nhân dân chụp kèm đơn xin xét xử vắng mặt thì đều đúng so với các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ vụ án. Do vậy HĐXX chấp nhận đơn xin xét xử vắng mặt của anh T chị H là hợp lệ. Căn cứ Khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh T kết hôn với chị H vào năm 2010, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện TT, tỉnh PT, đây là một hôn nhân hợp pháp. Anh T xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay, tình cảm không còn, anh đề nghị được ly hôn; chị H xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhưng chị H đề nghị được đoàn tụ để cùng nuôi con.

Xét thấy kể từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị H và anh T không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, hai bên đã sống ly thân được thời gian đã lâu, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong quá trình giải quyết Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của chị H anh T được UBND xã S cho biết vợ chồng chị H và anh T trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Trong quá trình giải quyết chị H mong muốn được đoàn tụ với vợ chồng để nuôi dạy con chung; nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H đồng ý ly hôn anh T.

Do vậy HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh ly hôn chị H là phù hợp tránh ràng buộc không cần thiết.

[2] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Minh A, sinh ngày 20/02/2011 và cháu Bùi Phúc L, sinh ngày 24/4/2019. Hiện nay cháu A đã trên 7 tuổi và đang ở với anh T, nguyện vọng của cháu A là được ở với bố; cháu L còn nhỏ đang ở với chị H.

Anh T đề nghị nuôi cháu A, giao cho chị H nuôi cháu L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H đồng ý với quan điểm của anh T về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu A và giao cho chị H nuôi cháu L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh T và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn T ly hôn chị Phạm Thị Thanh H.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Minh A, sinh ngày 20/02/2011; Giao cho chị Phạm Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Phúc L, sinh ngày 24/4/2019; kể từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu A và cháu L thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX Không đặt ra giải quyết do các bên không yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0002764 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh PT.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lương Viết Tú